

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hữu Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L, sinh năm 2001, tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp XC, xã NX, Quận Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú hiện nay: Ấp LB, xã LG, Quận Đức Hòa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Thạch Thị Oanh K; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 18-01-2020, tạm giam ngày 24-01-2020 đến nay; bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L: Ông Lê Minh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Quốc Q, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp TT, xã TH, Quận Hòa Thành, (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Hà Thị Thu A, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp CX, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Anh Trần Hồng S, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp X, xã SD, Quận Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3/ Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp TT, xã LT, Quận Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L là công nhân Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc “FT Việt Nam” thuộc ấp AH, xã AT, Quận Trảng Bàng, (nay là khu phố AH, phường AT, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên L biết rõ cách thức lấy xe mô-tô của người khác ra khỏi nhà giữ xe của công ty mà không bị bảo vệ phát hiện. Vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17-01-2020, L đi đến nhà giữ xe của công ty và trộm cắp xe mô-tô loại SATRIA, biển số 70F1-694.57 của anh Phạm Quốc Q đẩy xe ra bên ngoài công ty. Do không có chìa khóa xe nên L đến tiệm sửa xe của anh Ngô Quốc B để nối dây điện khởi động xe rồi chạy về hướng Quận Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để bán xe. Do bán xe không được nên Lý nhờ Trần Hồng S, Cao Văn Đ chỉ dẫn đến ngã tư “Hữu Nghị” thuộc ấp TT, xã LT, Quận Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để gặp người thanh niên tên “M” (không rõ địa chỉ) thế chấp xe được số tiền 17.000.000 đồng nhưng chỉ nhận 15.000.000 đồng, “M” giữ lại 2.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, L cho Đ số tiền 500.000 đồng rồi đón xe ôm trở về thị xã Trảng Bàng, L trả nợ cho chị Hà Thị Thu A số tiền 8.800.000 đồng và anh Trần Hồng S số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh Q phát hiện xe mô-tô bị mất nên trình báo Công an Quận Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng). Qua xác minh, ngày 18-01-2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thanh L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG ngày 20-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận Trảng Bàng, kết luận: 01 xe mô-tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, màu S đỏ đen, biển số 70F1-694.57, số máy CGA1ID198896, số khung 11AZKJ198799 tại thời điểm ngày 17-01-2020 trị giá 41.400.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSTrB ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Nguyễn Thanh L về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L bào chữa tại phiên tòa: Qua cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo L là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong cho anh Phạm Quốc Q; bị cáo có bà cố và bà nội là người có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Trong quá trình điều tra, truy tố:

- *Bị hại – anh Phạm Quốc Q trình bày:* Anh đã nhận lại 01 xe mô-tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, màu S đỏ đen, biển số 70F1-694.57, số máy CGA1ID198896, số khung 11AZKJ198799, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Hà Thị Thu A trình bày:* Chị và bị cáo L làm việc chung Công ty “FT Việt Nam”. Ngày 13-01-2020, bị cáo L có vay của chị số tiền 8.000.000 đồng và hẹn đến ngày 17-01-2020 sẽ trả. Vào khoảng 11 giờ ngày 17-01-2020, bị cáo L trả cho chị số tiền 8.800.000 đồng và nhờ chị giúp L trả cho anh Trần Hồng S số tiền 5.000.000 đồng, chị đã giao lại cho anh S số tiền 5.000.000 đồng này. Chị không biết số tiền 8.800.000 đồng mà bị cáo L trả cho chị là tiền bị cáo L đã trộm xe mô-tô của người khác đi thế chấp mà có. Trong quá trình

điều tra, chị đã giao nộp số tiền 8.800.000 đồng cho cơ quan cảnh sát điều tra, nay chị yêu cầu được nhận lại số tiền 8.800.000 đồng này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Trần Hồng S trình bày:* Anh và bị cáo L làm việc chung bộ phận của Công ty “FT Việt Nam”. Ngày 10-01-2020, bị cáo L có vay của anh số tiền 5.000.000 đồng và hẹn đến ngày 17-01-2020 sẽ trả. Vào khoảng 08 giờ ngày 17-01-2020, anh có gọi điện thoại yêu cầu bị cáo L trả tiền cho anh và bị cáo L hẹn sau khi đi thế chấp xe mô-tô có tiền sẽ trả cho anh và nhờ anh chỉ chỗ để thế chấp xe. Anh có nhắn tin số điện thoại của Cao Văn Đ cho bị cáo L để anh Đ chỉ cho bị cáo L chỗ thế chấp xe. Việc bị cáo L và anh Đ thế chấp xe như thế nào thì anh không biết, anh cũng không biết nguồn gốc xe mô-tô mà bị cáo L muốn thế chấp là của ai. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo L gọi điện thoại cho anh nói đã thế chấp được xe mô-tô và sẽ trả tiền cho anh nên anh nói bị cáo L gửi tiền cho chị Hà Thị Thu A, sau đó anh đã đến gặp chị A để lấy tiền. Anh không biết nguồn gốc xe mô-tô mà L đem thế chấp và anh cũng không biết số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo L trả cho anh là tiền L thế chấp xe mô-tô trộm được mà có. Trong quá trình điều tra, anh đã giao nộp số tiền 5.000.000 đồng cho cơ quan cảnh sát điều tra, nay anh yêu cầu được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Cao Văn Đ trình bày:* Do anh và anh Trần Hồng S có quen biết từ trước nên vào khoảng 09 giờ ngày 17-01-2020, thông qua anh S giới thiệu, bị cáo L có gọi điện thoại cho anh và nhờ anh tìm nơi thế chấp một xe mô-tô. Do đó, anh hẹn gặp mặt bị cáo L và gọi cho một người tên “M” nhờ tìm người thế chấp xe mô-tô thì M đồng ý. Khi M đến thì giữa M và bị cáo L tự thỏa thuận thế chấp xe mô-tô biển số 70F1-694.57. Bị cáo L nhận tiền xong thì có cho anh số tiền 500.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị cáo L nhờ anh tìm nơi thế chấp xe mô-tô thì L nói xe mô-tô biển số 70F1-694.57 là của ba L, anh không biết xe mô-tô này do Lý trộm mà có.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm quay về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị

cáo, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 17-01-2020, tại nhà giữ xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn May mặc “FT Việt Nam” thuộc khu phố AH, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thanh L có hành vi lén lút lấy trộm xe mô-tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, màu S đỏ-đen, biển số 70F1-694.57 của anh Phạm Quốc Q trị giá 41.400.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo L đã lén lút lấy trộm xe mô-tô biển số 70F1-694.57 của anh Q trị giá 41.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang cho xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi bị bắt, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong cho anh Q. Ngoài ra, bị cáo có bà cô và bà nội là người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Qua điều tra, xác minh bị cáo L không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Anh Phạm Quốc Q đã nhận lại một xe mô-tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, màu S đỏ đen, biển số 70F1-694.57, số máy CGA1ID198896, số khung 11AZKJ198799, dung tích xi lanh 147. Anh Q không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên cần ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với Ngô Quốc B, Trần Hồng S, Cao Văn Đ không biết xe mô-tô biển số 70F1-694.57 do bị cáo L trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với người tên “M” mà bị cáo L khai nhận có thể chấp xe cho bị cáo, hiện không rõ họ tên, địa chỉ nên chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng thu giữ của chị Hà Thị Thu A và 5.000.000 (năm triệu) đồng thu giữ của anh Trần Hồng S do bị cáo L trả tiền nợ đã vay của chị L và anh S: Đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo đối với chị L và anh S. Mặc dù số tiền bị cáo trả cho chị L, anh S là do bị cáo thế chấp xe mô-tô biển số 70F1-694.57 mà bị cáo đã trộm của anh Q nhưng chị L và anh S đều không biết nguồn gốc số tiền này. Mặt khác, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, trả lại xe mô-tô biển số 70F1-694.57 cho anh Q xong, anh Q không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và gia đình bị cáo cũng không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường. Do đó, có căn cứ tuyên trả cho chị L số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng và tuyên trả cho anh S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Đối với số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng thu giữ của anh Cao Văn Đ: Số tiền này do bị cáo trả công cho anh Đ vì đã giới thiệu người để bị cáo thế chấp xe mô-tô. Tuy nhiên, anh Đ không biết xe mô-tô biển số 70F1-694.57 mà bị cáo thế chấp có nguồn gốc là do bị cáo trộm được mà có. Do đó, tuyên trả cho anh Đ số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Trả cho bị cáo L số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11, màu đen, số EMEI 1: 866988040845652, số EMEI 2: 866988040845645 (đã qua sử dụng).

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh, trên mũ có chữ “Viettel” (đã qua sử dụng); 01 áo khoác dài tay màu đỏ đen (đã qua sử dụng): Không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L đề nghị xem xét cho bị cáo L hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị của người bào chữa là không phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L **09 (Chín) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giữ 18-01-2020.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu xanh, trên mũ có chữ “Viettel” (đã qua sử dụng); 01 áo khoác dài tay màu đỏ đen (đã qua sử dụng).

2.2. Trả lại vật, tiền không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cho bị cáo và chủ sở hữu, bao gồm:

Trả cho bị cáo L số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11, màu đen, số EMEI 1: 866988040845652, số EMEI 2: 866988040845645 (đã qua sử dụng).

Trả cho chị Hà Thị Thu A số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Trả cho anh Trần Hồng S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Trả cho anh Cao Văn Đ số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an thị xã Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư